TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 232/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 10-12-2024
"V/v Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giang Phước Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Hà

2. Bà Trần Thị Như Quỳnh

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Nhi là Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2024 về việc: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 182/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Hồ Văn D, sinh năm 19... Có mặt.

Địa chỉ: Tổ 9B, khu phố H, thị trấn K. huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Bà Lê Thanh T, sinh năm 19... Vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 11, khu phố H, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Hồ Văn D trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Lê Thanh T quen biết nhau từ năm 2016 đến năm 2017 thì đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn K vào ngày 21/02/2017. Lúc đầu vợ chồng sống chung cũng có hạnh phúc, nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống, sinh hoạt, nhiều lần hai bên nói chuyện để tìm cách giải quyết nhưng không thành, ông và bà T đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Ông thấy rằng hôn nhân không còn hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn bà Lê Thanh T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là 01 căn nhà xây dựng trên diện tích đất toạ lạc tại khu phố H, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Đất là tài sản riêng của bà T còn nhà là tài sản chung, tại Đơn khởi kiện ông yêu cầu chia ½ giá trị căn nhà. Tuy nhiên tại Biên bản hoà giải ngày 24/10/2024 và tại phiên toà hôm nay ông D rút lại yêu cầu chia tài sản chung. Không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản chung.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn bà Lê Thanh T vắng mặt nhưng tại biên bản hoà giải bà trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Hồ Văn D quen biết nhau từ năm 2016 đến năm 2017 thì đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn K, trong quá trình chung sống ông D có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, bà bắt gặp ông D còn đánh bà. Bà và ông D ly thân từ năm 2023 chứ không phải năm 2021 như ông D trình bày, vợ chồng đã ly thân 02 năm rồi, ông D đi theo người phụ nữ khác nên bà không đồng ý ly hôn, tuy nhiên bà cũng không yêu cầu đoàn tụ nhà ai nấy sống, không liên quan gì cuộc sống của nhau, bà cũng yêu cầu không can thiệp vào cuộc sống của bà.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Đất thửa số 404 (Lô 8, nền 43), tờ bản đồ số 01 diện tích 109,62m^2 tọa lạc tại Khu phố H, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang là tài sản riêng của bà. Đến năm 2017 khi bà đang xây dựng nhà trên thửa đất này thì bà kết hôn với ông Hồ Văn D, ông D có phụ bà làm cửa, thứ 7, chủ nhật thì ông D có phụ hồ tiếp, còn tiền xây dựng nhà là toàn bộ là của riêng bà, ông D không có góp tiền vào căn nhà này. Vì vậy nhà và đất là tài sản riêng của bà.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận cho ông Hồ Văn D ly hôn bà Lê Thanh T. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của ông D do rút yêu cầu. Về án phí: Buộc ông D phải chịu án phí hôn nhân gia đình là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là quan hệ tranh chấp xin ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, bà Lê Thanh T là bị đơn có nơi cư trú tại khu phố H, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bà Lê Thanh T được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

[3] Về hôn nhân: Ông Hồ Văn D và bà Lê Thanh T quen biết nhau và tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được UBND thị trấn K cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21/02/2017 vì vậy ông D và bà T là vợ chồng hợp pháp. Quá trình chung sống có phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông D cho rằng vợ chồng sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được nên đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay, còn bà T cho rằng ông D có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác và vợ chồng ly thân 02 năm nay. Hội đồng xét xử thấy rằng ông D và bà T ly thân đã lâu không thể tự hàn gắn được, qua các lần hoà giải tại Toà án ông D kiên quyết ly hôn, bà T không đồng ý ly hôn tuy nhiên bà cũng không yêu cầu đoàn tụ và muốn có cuộc sống riêng. Chứng tỏ cuộc sống hôn nhân của vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận cho ông D ly hôn bà T.

[4] Về con chung: Ông D và bà T thừa nhận không có con chung.

[5] Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện ông D yêu cầu chia ½ giá trị căn nhà cấp 4 xây dựng trên diện tích đất của bà T toạ lạc tại khu phố H, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Tại phiên toà hôm nay ông D rút lại yêu cầu chia tài sản chung nên căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của ông D.

[6] Về nợ chung: Ông D và bà T thừa nhận không có nợ chung.

[7] Về án phí: Ông D yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp đối với yêu cầu chia tài sản chung do ông D rút yêu cầu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 244, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 1 Điều 218 Bộ Luật tố tụng

dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận cho ông Hồ Văn D được ly hôn với bà Lê Thanh T.

+ Về con chung: Không có con chung.

+ Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của ông Hồ Văn D về việc yêu cầu chia ½ giá trị căn nhà xây dựng trên đất toạ lạc tại Khu phố H, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Hậu quả của việc đình chỉ: Nguyên đơn có quyền khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết lại về tài sản chung theo quy định tại khoản 1 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, ông D phải chịu án phí, được khấu trừ vào án phí tạm nộp là 4.050.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004039 ngày 10/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Hoàn trả cho ông Hồ Văn D số tiền 3.750.000 đ (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (10/12/2024). Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Đương sự;
- Lưu tập án, Hồ sơ;
- Lưu VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Giang Phước Thành